TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2022/DS-ST
Ngày: 01/6/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 18/3/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/QĐST-DS ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị C, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đặng Văn C1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Tất cả cùng có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

Do chỗ quen biết, vào năm 2018 bà Trần Thị Thùy T có cho bà Võ Thị C vay nhiều lần tiền, không có lập biên nhận. Đến ngày 11/10/2018 bà T và bà C

có tổng hợp lại các số tiền bà C nợ bà T là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời bà C có viết biên nhận xác định số tiền gốc vay còn thiếu bà T cho bà T giữ. Ngày 09/10/2019 bà T tiếp tục cho bà C vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Mục đích bà C vay tiền là để làm kinh tế gia đình (mua bán củ hành, mực,..). Khi vay tiền bà C hứa với bà T là 01 tháng sẽ trả lại cả vốn lẫn lãi. Tuy nhiên, đến tháng 12/2021 bà C chỉ trả lại cho bà T được số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) rồi không trả thêm số tiền nào khác.

Do bà T nhiều lần yêu cầu bà C trả số tiền vay thiếu còn lại nhưng bà C cứ hẹn lần lượt mà không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C, ông C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là: 1.350.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất pháp luật quy định (10%/năm), từ tháng 10/2019 đến tháng khởi kiện ra tòa án. Đồng thời bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi bà C, ông C1 trả cho bà T số tiền 100.000.000đ đã cho ngày 09/10/2019.

Về biên nhận nợ viết tay ngày 11/10/2018 bà T xác định như sau: Biên nhận này do bà C viết nhưng bà C không có ghi ngày tháng năm nên bà T đã ghi ngày tháng năm vào giấy nợ sau khi bà C viết biên nhận. Hiện nay bà C cho rằng biên nhận chốt nợ này được viết vào ngày 11/10/2019 nên bà T cũng đồng ý với thời gian mà bà C xác định "ngày 11/10/2019".

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị C trình bày:

Vào năm 2018 bà C có vay của bà T nhiều lần tiền nhưng không nhớ rõ số tiền và ngày tháng vay tiền cụ thể. Đến ngày 11/10/2019 hai bên có thống nhất lại số tiền bà T đã cho bà C vay là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Bà C có viết biên nhận nợ và ký tên đối với số tiền 1.350.000.000đ nợ bà T, biên nhận này do bà T giữ. Vào ngày 09/10/2019 bà C có vay bà T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng số tiền này vợ chồng bà C đã trả xong cho bà T vào tháng 12/2021. Khi vay tiền bà C cho rằng có đóng lãi cho bà T được một thời gian nhưng bà T không có viết biên nhận. Mục đích bà C vay tiền về để làm ăn kinh tế chung trong gia đình, đưa cho người ta hùn hạp làm ăn. Việc bà C đóng lãi cho bà T thời gian và số tiền bao nhiêu thì bà C không nhớ. Biên nhận chốt nợ ngày 11/10/2018 mà bà T trình bày là không đúng về thời gian, ngày chốt nợ là ngày 11/10/2019 chứ không phải ngày 11/10/ 2018. Từ khi chốt nợ đến nay bà C không có trả gốc + lãi cho bà T được thêm số tiền nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà C cùng chồng là ông Đặng Văn C1 thống nhất xác định: Có nợ bà T số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 11/10/2019 đến nay chưa trả. Bà C và ông C1 đồng ý trả cho bà T số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) + tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất pháp luật quy định nhưng xin trả dần hàng năm - mỗi năm trả 10.000.000đ đến 100.000.000đ, trường hợp nếu có tiền nhiều hơn sẽ trả cho bà T nhiều hơn do hiện nay kinh tế gia đình quá khó khăn, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà C. Đồng ý liên đới cùng bà C trả cho bà T số tiền gốc lãi mà bà C đã vay và còn thiếu bà T dưới hình thức trả dần hằng năm - mỗi năm trả 10.000.000đ đến 100.000.000đ, trường hợp nếu có tiền nhiều hơn thì bà C và ông C1 sẽ trả cho bà T nhiều hơn bởi hiện giờ kinh tế quá khó khăn không có khả năng trả một lần toàn bộ số nợ vay còn thiếu bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét việc bà Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị C và ông Đặng Văn C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là: 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi của số tiền 1.350.000.000đ theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 11/10/2019 đến ngày 11/02/2022, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa bà T, bà C, ông C1 hoàn toàn thừa nhận việc bà T có cho bà C vay và còn thiếu số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 11/10/2019 đến nay chưa thanh toán. Biên nhận chốt nợ ngày 11/10/2018 do bà C viết nhưng thời gian chốt nợ là ngày 11/10/2019. Việc bà C, ông C1 không trả số tiền vay cho bà T là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Nên bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C, ông C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là: 1.350.000.000đ (Một tỷ, bốn ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 11/10/2019 đến ngày 11/02/2022 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463, 464, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét việc bà C và ông C1 đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 1.350.000.000đ + tiền lãi của số tiền 1.350.000.000đ theo mức lãi suất pháp luật quy định (10%/năm) tính từ ngày 11/10/2019 đến ngày 11/02/2022 (là 02 năm

04 tháng) dưới hình thức xin thanh toán dần hằng năm - mỗi năm thanh toán từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, trường hợp nếu có tiền nhiều hơn sẽ thanh toán cho bà T nhiều hơn do hiện nay kinh tế gia đình gặp quá khăn là không được bà T chấp nhận và cũng không có căn cứ pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin thanh toán dần của bà C, ông C1 mà nghĩ nên buộc bà C, ông C1 cùng liên đới thanh toán cho bà T số tiền vay gốc lãi như sau: Tiền gốc: 1.350.000.000đ; Tiền lãi: [(1.350.000.000đ x 10% x 2) + (1.350.000.000 x 10%/12 x 4)] =315.000.000đ => Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.665.000.000đ.

[3]. Việc bà T rút lại yêu cầu bà C, ông C1 liên đới thanh toán cho bà T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) mà bà T cho vay vào ngày 09/10/2019 là phù hợp với quy định tại các Điều 92, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu này.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 36.000.000 + (3% x 865.000.000) = 61.950.000đ Bà Võ Thị C, ông Đặng Văn C1 có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 464, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T về việc tranh chấp hợp đồng vay. Buộc bị đơn bà Võ Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Thùy T số tiền vay là 1.665.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Trong đó tiền vay gốc là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng); Tiền lãi là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T về việc yêu cầu bà C, ông C1 liên đới thanh toán cho bà T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) bà T cho vay vào ngày 09/10/2019.

3/- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Võ Thị C, ông Đặng Văn C1 liên đới nộp số tiền án phí là 61.950.000đ (Sáu mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.325.000đ (Ba mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003881 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4/- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/- Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn